

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. HĐ khởi động: (5 phút)	
- Cho HS tổ chức chia sẻ theo câu hỏi: + Vì sao chúng ta cần sống có trách nhiệm về việc làm của mình? + Bạn đã làm gì để thực hiện nếp sống có trách nhiệm về việc làm của mình? - Giới thiệu bài học. Ghi bài lên bảng.	- HS chia sẻ câu hỏi - HS ghi vở
2. HĐ thực hành: (27 phút) <i>*Mục tiêu:</i> Biết thế nào là có trách nhiệm về việc làm của mình. Khi làm việc gì sai biết nhận và sửa chữa.	
HĐ 1: Xử lí tình huống (Bài tập 3) <i>* Mục tiêu:</i> HS biết lựa chọn cách giải quyết phù hợp trong mỗi tình huống. <i>* Cách tiến hành:</i> - GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm xử lí một tình huống trong bài tập 3. - Cả lớp trao đổi bổ sung. - GV nhận xét chốt lại ý đúng.	- HS thảo luận nhóm. - Đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.
HĐ 2: Tự liên hệ bản thân. <i>* Mục tiêu:</i> Mỗi HS có thể tự liên hệ, kể một việc làm của mình và tự rút ra bài học. <i>* Cách tiến hành:</i> - Gọi ý để mỗi hs nhớ lại một việc làm chứng tỏ mình đã có trách nhiệm hoặc thiếu trách nhiệm: + Chuyện xảy ra thế nào và lúc đó em đã làm gì? + Bây giờ nghĩ lại em thấy thế nào? - Yêu cầu một số HS trình bày trước lớp. - Sau mỗi phần trình bày của HS, GV gợi ý để HS tự rút ra bài học - GV kết luận: + Khi giải quyết công việc hay xử lí tình huống một cách có trách nhiệm, chúng ta thấy vui, thanh thản và ngược lại. + Người có trách nhiệm là người trước khi làm việc gì cũng suy nghĩ cẩn thận nhằm mục đích tốt đẹp; khi làm hỏng việc hoặc có lỗi họ dám nhận trách nhiệm.	- HS nhớ lại và kể về việc làm của mình. - HS trao đổi với bạn bên cạnh về việc làm của mình. - Vài HS nêu lại.
3. HĐ ứng dụng: (3 phút)	

- Thực hiện mình là người có trách nhiệm.

- HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

Khoa học

TỪ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN ĐẾN TUỔI GIÀ

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Xác định được bản thân mình đang ở vào giai đoạn nào?
2. **Kĩ năng:** Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.
3. **Thái độ:** Thích tìm hiểu về khoa học.
4. **Năng lực:** Nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Thông tin và hình trang 16, 17 SGK.
- Học sinh: Sưu tầm tranh ảnh của người lớn ở các lứa tuổi khác nhau và nghề khác nhau

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động: (5 phút)	
<ul style="list-style-type: none">- Cho học sinh tổ chức chơi trò chơi: bắt thăm các hình 1, 2, 3, 5 của bài 6. Bắt được hình vẽ nào thì nói về lứa tuổi ấy.- Giáo viên nhận xét- Giới thiệu bài: Ghi đầu bài	<ul style="list-style-type: none">- Học sinh trả lời lên bảng bắt thăm về giai đoạn phát triển của cơ thể mà bức ảnh bắt được.- Học sinh lắng nghe- HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (25 phút)	
<p>* Mục tiêu: Nêu được các giai đoạn phát triển của con người từ tuổi vị thành niên đến tuổi già.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	

<p>*Hoạt động 1: Đặc điểm con người ở từng giai đoạn: vị thành niên, trưởng thành, tuổi già.</p> <p>- Chia nhóm: phát cho mỗi nhóm một bộ hình 1, 2, 3, 4 SGK và yêu cầu học sinh quan sát trả lời câu hỏi: + Tranh minh họa giai đoạn nào của con người? + Nêu một số đặc điểm của con người ở giai đoạn đó? + Cơ thể con người ở giai đoạn đó phát triển như thế nào? + Con người có thể làm những việc gì? - Giáo viên nhận xét.</p>		<p>- Học sinh thảo luận nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi, sau đó cử đại diện báo cáo kết quả.</p>
Giai đoạn	Hình minh họa	Đặc điểm
Tuổi vị thành niên Từ 10 – 19 tuổi	1	- Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ con => người lớn thể hiện ở sự phát triển mạnh mẽ về thể chất, tinh thần, tình cảm và mối quan hệ xã hội. Như vậy, tuổi dậy thì nằm trong giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên
Tuổi trưởng thành Từ 20 – 60 tuổi	2 - 3	- Giai đoạn đầu: tâm vóc, thể lực phát triển nhất, các cơ quan trong cơ thể hoàn thiện. Lúc này có thể lập gia đình, chịu trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.
Tuổi già Từ 60 - 65 tuổi trở lên	4	- Cơ thể dần suy yếu: chức năng hoạt động của các cơ quan giảm dần. Có thể kéo dài tuổi thọ bằng cách rèn luyện thân thể, sống điều độ và tham gia các hoạt động xã hội.

<p>*Hoạt động 2: <i>Sưu tầm và giới thiệu người trong ảnh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên kiểm tra ảnh của HS chuẩn bị - Chia nhóm 4: học sinh giới thiệu người trong ảnh mà mình sưu tầm được với các bạn trong nhóm: Họ là ai? Làm nghề gì? - Họ đang ở giai đoạn nào của cuộc đời, giai đoạn này có đặc điểm gì? - Yêu cầu học sinh trình bày trước lớp. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương. <p>* Hoạt động 3: <i>Ích lợi của việc biết được các giai đoạn phát triển của con người.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh làm việc theo cặp trao đổi thảo luận để trả lời câu hỏi. - Tổ chức cho học sinh trình bày. + Chúng ta đang ở giai đoạn nào của cuộc đời? + Việc biết từng giai đoạn phát triển của con người có lợi ích gì? <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, tuyên dương - Giáo viên kết luận về giai đoạn phát triển của tuổi học sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đưa ra các bức ảnh mà mình chuẩn bị - Học sinh giới thiệu người trong ảnh với các bạn trong nhóm. - 5 -7 học sinh giới thiệu về người trong bức ảnh mà mình chuẩn bị. - 2 học sinh cùng bàn trao đổi, thảo luận - Giai đoạn đầu của tuổi vị thành niên hay tuổi dậy thì. - Biết được đặc điểm tuổi dậy thì giúp ta không e ngại, lo sợ về những biến đổi của cơ thể, về thể chất, tinh thần tránh được sự lôi kéo không lành mạnh, giúp ta có chế độ ăn uống, làm việc, học tập phù hợp , để cơ thể phát triển toàn diện
<p>3. Hoạt động ứng dụng: (3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu với các bạn về những thành viên trong gia đình bạn và cho biết từng thành viên đang ở vào giai đoạn nào của cuộc đời ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện
<p>4. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Em đã làm những gì để chăm sóc ông bà của em ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì.

2. **Kĩ năng:** Thực hiện vệ sinh cá nhân ở tuổi dậy thì.

3. **Thái độ:** Có ý thức giữ gìn vệ sinh thân thể

* GD BVMT: Mức độ tích hợp liên hệ, bộ phận: Mối quan hệ giữa con người với môi trường: Con người cần đến không khí, thức ăn, nước uống từ môi trường. Từ đó phải có ý thức BVMT chính là BV con người.

4. **Năng lực:** Nhận thức thể giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thể giới tự nhiên, vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người.

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng

- Giáo viên: Hình minh hoạ trang 18, 19 SGK; phiếu học tập

- Học sinh: SGK

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não,...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
1. Hoạt động khởi động:(5 phút)	
<p>- Cho HS tổ chức chơi trò chơi "Bắt tên" với nội dung sau: + Nêu các giai đoạn phát triển của con người ? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn vị thành niên? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn trưởng thành? + Nêu đặc điểm của con người trong giai đoạn tuổi già? - Giáo viên nhận xét - Giới thiệu bài: Ghi đầu bài</p>	<p>- Học sinh chơi trò chơi - HS nghe - HS ghi vở</p>
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(25 phút) * Mục tiêu: Nêu được những việc nên và không nên làm để giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì. * Cách tiến hành:	
<p>*Hoạt động 1: Những việc nên làm để giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì. - Cho HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi: + Em làm gì để giữ vệ sinh cơ thể ?</p>	<p>- Nhóm trưởng điều khiển các bạn trả lời câu hỏi. + Thường xuyên tắm giặt gội đầu. + Thường xuyên thay quần lót. + Thường xuyên rửa bộ phận sinh dục</p>

<ul style="list-style-type: none"> - KL: Tuổi dậy thì bộ phận sinh dục phát triển, nữ có kinh nguyệt, nam có hiện tượng xuất tinh, cần vệ sinh sạch sẽ và đúng cách - Phát phiếu học tập cho học sinh. Lưu ý phiếu của học sinh nam riêng, học sinh nữ riêng - Yêu cầu học sinh đọc và tự làm bài. - Trình bày kết quả - Giáo viên nhận xét rút ra kết luận <p>Hoạt động 2: <i>Những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ ở tuổi dậy thì.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia 4 nhóm: - Yêu cầu học sinh thảo luận tìm những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ sức khoẻ về thể chất, tinh thần ở tuổi dậy thì? - Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả thảo luận. - GV chốt: Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần ăn uống đủ chất, tăng cường luyện tập TDTT, vui chơi giải trí lành mạnh; tuyệt đối không sử dụng các chất gây nghiện như thuốc lá, rượu...; không xem phim ảnh hoặc sách báo không lành mạnh - Giáo viên nhận xét, khen ngợi 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nhận phiếu - Học sinh tự làm bài. - HS trình bày kết quả - 1 học sinh đọc mục: bạn cần biết - Thảo luận nhóm. - Học sinh quan sát trang 19 SGK và dựa vào hiểu biết thực tế của mình trả lời - HS báo cáo kết quả - HS nghe
<p>4. Hoạt động ứng dụng: (3 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Nếu bạn bè rủ em hút thuốc thì em sẽ làm gì ? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời
<p>5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Hãy viết một đoạn văn để tuyên truyền, vận động các bạn trong lớp tránh xa các chất kích thích, gây nghiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

Kĩ thuật
THÊU DẤU NHÂN (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Biết cách thêu dấu nhân

2. Kỹ năng: Thêu được mũi thêu dấu nhân. Các mũi thêu tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm dấu nhân. Đường thêu có thể bị dúm.

3. Thái độ: Yêu thích sản phẩm làm được.

4. Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác

II. CHUẨN BỊ

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: + Mẫu thêu dấu nhân
+ Một mảnh vải trắng hay màu 10cm x 15cm
+ Chỉ thêu, kim, bút chì, thước kẻ, kéo
- Học sinh: Bộ đồ dùng khâu, thêu

2. Phương pháp, kỹ thuật dạy học:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động Giáo viên	Hoạt động Học sinh
1. Hoạt động khởi động (3')	
- Cho HS hát - Đánh giá thêu dấu nhân ở tiết 1. - Giới thiệu bài - Ghi bảng	- HS hát - Lắng nghe - HS ghi vở
2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút) * Mục tiêu: Biết cách thêu dấu nhân * Cách tiến hành:	
Hoạt động 1: Quan sát, nhận xét mẫu - Giới thiệu mẫu - Yêu cầu HS thảo luận nhóm nêu nhận xét về đặc điểm của đường thêu - HD học sinh quan sát mẫu thêu dấu nhân - Giới thiệu sản phẩm thêu được bằng dấu nhân - Gọi HS nêu ứng dụng	- Quan sát - HS thảo luận nhóm nhận xét - Quan sát, so sánh - Quan sát - Trả lời
Hoạt động 2: HD thao tác kỹ thuật - HD đọc mục II SGK và nêu các bước thêu - Yêu cầu đọc mục 1 và quan sát hình 2 và nêu cách vạch dấu đường thêu - HD đọc mục 21 và quan sát hình 3 SGK - Gọi đọc mục 2b, 2c và quan sát hình 4a, 4b, 4c, 4d	- 1 HS đọc - HS quan sát - HS thực hiện - Quan sát, nhận xét - HS nhắc lại
3. Hoạt động thực hành: (15 phút) * Mục tiêu: Thêu được mũi thêu dấu nhân. Các mũi thêu tương đối đều nhau. Thêu được ít nhất năm dấu nhân. Đường thêu có thể bị dúm. * Cách tiến hành:	

<ul style="list-style-type: none"> - HD các thao tác thêu mũi 1, 2 - Quan sát, uốn nắn - HD quan sát hình 5 và nêu các kết thúc đường thêu - Yêu cầu HS nhắc lại cách thêu - Tổ chức cho HS thêu trên vải - Hoàn thành sản phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện các mũi tiếp theo - Thực hành - HS quan sát - HS nhắc lại - HS thực hành - HS hoàn thành sản phẩm
4. Hoạt động ứng dụng: (2')	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét sản phẩm của HS. - Nêu lại các bước thêu dấu nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe - HS nêu lại
5. Hoạt động sáng tạo: (2 phút)	
<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng thêu dấu nhân, thêu một sản phẩm mà em yêu thích. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe và thực hiện

Điều chỉnh - Bổ sung:

.....

.....

Sinh hoạt lớp - Giáo dục ngoài giờ
NHẬN XÉT CÁC HOẠT ĐỘNG TUẦN 4

I. MỤC TIÊU:

Giúp HS:

- Nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua ; Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.
- Nắm được nhiệm vụ tuần 5

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần
- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị nội dung.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động 1: Khởi động

- HS hát tập thể 1 bài.

Hoạt động 2: Sinh hoạt lớp

- 4 Trưởng ban lên nhận xét các thành viên trong tổ và xếp loại từng thành viên.
- Tổ viên các tổ đóng góp ý kiến.
- Chủ tịch HĐTQ lên nhận xét chung các ban.
- GV nhận xét, đánh giá, hướng dẫn HS cách sửa chữa khuyết điểm.

*. *Ưu điểm:*

.....

.....

**Nhược điểm:*

.....

.....

.....
.....
Hoạt động 3: Kế hoạch tuần 5

- Ôn định nề nếp học tập và các hoạt động ngoài giờ
- Tiếp tục thi đua lập thành tích chào mừng năm học mới.
- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Tham gia tích cực các phong trào do nhà trường, Đội tổ chức.

Hoạt động 4: Sinh hoạt theo chủ điểm
.....
.....
.....
.....
.....

SINH HOẠT TẬP THỂ

I. MỤC TIÊU: *Giúp HS:*

- Nắm được ưu - khuyết điểm trong tuần.
- Phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm.
- Biết được phương hướng tuần tới.
- GD HS có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau.
- Biết được truyền thống nhà trường.
- Thực hiện an toàn giao thông khi đi ra đường.

II. CHUẨN BỊ:

- GV: Nắm được Ưu – khuyết điểm của HS trong tuần
- HS: Các mảng chuẩn bị nội dung.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH:

1. *Lớp hát đồng ca*

2. *Lớp báo cáo hoạt động trong tuần:*

- 3 dãy trưởng lên nhận xét hoạt động của dãy trong tuần qua. Tổ viên đóng góp ý kiến.
- Các Trưởng ban Học tập, Nề nếp, Sức khỏe – Vệ sinh, Văn nghệ - TDTT báo cáo về hoạt động của Ban.
- CTHĐTQ lên nhận xét chung, xếp loại thi đua các dãy. Đề nghị danh sách tuyên dương, phê bình thành viên của lớp.
- GV nhận xét chung:
 - + Nề nếp:.....
.....
.....

+ Học tập:
.....
.....

- Tiếp tục thi đua: Học tập tốt, thực hiện tốt nề nếp, vâng lời thầy cô, nói lời hay làm việc tốt.

.....
.....
.....

4. Tuyên dương – Nhắc nhở:

- Tuyên dương:.....

- Phê bình :.....